

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 579/2020/HS-PT
Ngày: 18-8-2020**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Hà.

Các Thẩm phán: Ông Mai Văn Quang và ông Lưu Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Tuấn Dũng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 381/2020/TLPT-HS ngày 11/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 340/2020/QĐXXPT-HS ngày 16/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/HSPT-QĐ ngày 04/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/HSPT-QĐ ngày 15/7/2020 đối với bị cáo Lê Tuấn A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân quận X, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. LÊ TUẤN A, sinh năm 1991; ĐKNKTT: Số nhà 11/23 phố Nguyễn Thiếp, phường NT, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; *hiện trú tại:* Số 22, ngõ 41 phố PC, phường ĐN, quận C, thành phố Hà Nội; *nghe nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 12/12; *trình độ chuyên môn:* Cử nhân Giao thông vận tải; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lê Anh Th và 01 con, sinh năm 2017; *tiền án:* Chưa; *tiền sự:* Ngày 04/5/2018 bị Công an thành phố H, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2018 đến ngày 01/8/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. TỔNG VĂN MA, sinh năm 1994; ĐKNKTT: Khu 2, phường ĐN, huyện LH, tỉnh Thanh Hóa; *hiện trú tại:* Số 10, ngõ 57/23, thuộc thôn Tràng, xã LT, huyện TT, thành phố Hà Nội; *nghe nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 12/12; *trình độ chuyên môn:* Dược sĩ; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; con ông Tổng Văn H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Q; *tiền án, tiền sự:* Chưa; bị cáo bị tạm giữ từ

ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. ĐINH DUY H, sinh năm 1994; ĐKNKTT: Thôn Quyết Tiến, xã TY, huyện YT, tỉnh Nam Định; *hiện trú tại*: Số 05, ngõ 686 phố GK, thuộc xã LT, huyện TT, thành phố Hà Nội (*Không đăng ký tạm trú*); *nghề nghiệp*: Lao động tự do; *trình độ học vấn*: 12/12; *trình độ chuyên môn*: Dược sĩ; *quốc tịch*: Việt Nam; *dân tộc*: Kinh; *tôn giáo*: Không; con ông Đinh Duy B và bà Dương Thị H; *tiền án, tiền sự*: Chưa; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Tuấn A và Tống Văn MA: Bà Mai Thị Dung, Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Việt Phương, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại có kháng cáo: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1985; ĐKNKTT và trú tại: Phòng 105/A7 phường TK, quận X, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Đăng Thái, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Blackstone, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Anh Nguyễn Vũ N, sinh năm 1991; *nghề nghiệp*: Giám đốc Công ty CP dược phẩm 4T Pharma (*Viết tắt là Công ty T4*); *trú tại*: Số nhà 23, ngõ 59 phố ĐL, phường VT, quận TL, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chị Nguyễn Thùy L mở phòng khám răng tại số 166 phố Thượng Đình, phường ĐT, quận X, thành phố Hà Nội. Khoảng tháng 10/2017, chị Thùy L có mua một số sản phẩm nước súc miệng của Công ty Cổ phần dược phẩm 4T Pharma do Tống Văn MA là Trình dược viên của Công ty giới thiệu, giao hàng. Đến đầu tháng 5/2018, chị Thùy L không mua sản phẩm của Công ty 4T nữa và còn nợ lại Công ty số tiền 1.440.000 đồng. Tống Văn MA đã nhiều lần yêu cầu chị Thùy L trả tiền để nộp trả cho Công ty. Ngày 25/5/2018, thông qua hình thức Internet Banking, chị Thùy L chuyển trả số tiền trên từ tài khoản số 144249477 của chị mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đến tài khoản số 109867688348 của Tống Văn MA mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam nhưng do việc chuyển khoản bị lỗi nên MA chưa nhận được tiền. Sau đó, MA đã nhiều lần yêu cầu chị Thùy L trả tiền nhưng chị L nói đã chuyển khoản rồi nên không trả.

Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 07/6/2018, MA rủ Lê Tuấn A, Đinh Duy H đến phòng khám của chị Thùy L để đòi tiền. Lúc này, trong phòng khám có chị Thùy L và con chị là cháu Lê Khánh H (*Sinh năm 2011*); Tuấn A bước vào trước và yêu cầu chị L trả tiền cho MA rồi ngồi xuống ghế kê sát tường phía trái theo chiều từ ngoài cửa vào; tiếp đó H đi vào ngồi xuống ghế cạnh Tuấn A; MA đi vào sau cùng và yêu cầu chị L trả tiền; chị L khẳng định là đã chuyển khoản cho MA nên không đồng ý trả nữa. Thấy vậy, Tuấn A đi đến vị trí cháu Khánh H ngồi, túm tóc tát hai cái vào má cháu (*nhưng không gây thương tích*) với mục đích để chị L sợ phải trả tiền cho MA. Chị L đẩy Tuấn A ra thì bị Tuấn A tát và dòn đánh chị L vào góc tường phía trái theo chiều từ cửa vào. Tổng Văn MA cũng lao vào tát chị L 02 - 03 cái vào đầu; H đi ra đứng chắn trước cửa mục đích không cho chị L ra ngoài. Thấy Tuấn A đánh chị L đau quá nên MA can ngăn nhưng không được. Sau đó, Tuấn A lôi chị L ra giữa phòng, vật xuống sàn nhà rồi dùng tay dấm vào mặt chị L. Chị L với tay cào vào ngực thì Tuấn A cúi người, túm tóc ấn đầu chị L xuống sàn nhà. MA tiếp tục yêu cầu chị L trả tiền nhưng chị L vẫn không đồng ý. Thấy vậy, Tuấn A dấm vào mặt, đá vào người, dùng cùi trỏ đánh vào lưng chị L. MA tiếp tục can ngăn và bảo Tuấn A buông chị L ra. Khi Tuấn A buông ra, chị L quay ra với tay định mở cửa chạy ra ngoài thì Tuấn A nhào người giữ chị L lại, lôi vào giữa phòng và đứng đằng sau ôm ghì cổ chị L không cho ra ngoài. H thấy chị L định mở cửa thì đóng cửa lại, mục đích không cho chị L ra ngoài. Thấy ồn ào, chị Nguyễn Thị H1 (*Sinh năm 1992; ĐKNKTT: Xã HT, huyện K, tỉnh Hải Dương*) là chủ cửa hàng quần áo ngay sát phòng khám của chị L đi sang đứng bên ngoài nhìn vào. Thấy chị H1, chị L kêu cứu và bảo chị H1 báo công an. Chị H1 định mở cửa bước vào thì Tuấn A hô bảo H đóng cửa lại. MA đi ra đứng chắn trước cửa nói với chị H1 là chị L nợ tiền không trả rồi quay vào phòng; H tiếp tục đóng giữ và đứng chắn trước cửa. Thấy chị H1 vẫn đứng ngoài cửa nhìn vào nên H mở cửa nói với chị H1 là do chị L nợ tiền không trả nên hai bên xô xát đánh nhau và đóng cửa lại; H đi ra đứng phía ngoài, trước cửa ra vào; chị H1 sợ nên đi về cửa hàng của mình. Sau đó, chị H1 tiếp tục quay sang phòng khám của chị L thì H giải thích với chị H1 là do chị L nợ tiền Công ty, MA đến đòi nhưng chị L không trả nên xảy ra xô xát; chị H1 lại quay về cửa hàng. Lúc này ở trong phòng khám, Tuấn A vẫn ghì cổ chị L và bảo chị L trả tiền cho MA; con gái chị L thì khóc. Sau đó Tuấn A buông chị L ra; chị L tiếp tục đi về phía cửa để chạy ra ngoài thì Tuấn A đứng chặn, dùng tay đẩy vào vai, yêu cầu chị L phải trả tiền cho MA; MA cũng tiếp tục yêu cầu chị L trả tiền. Chị L vẫn cố chạy về phía cửa thì Tuấn A chạy theo đẩy chị L ngã xuống ghế và đứng chặn trước cửa. Vì liên tục bị Tuấn A đánh và nhiều lần định chạy

ra ngoài thoát thân nhưng không được, lo sợ nếu không trả tiền cho MA thì tiếp tục bị đánh nên chị L buộc phải đồng ý chuyển khoản cho MA. MA đứng cạnh đọc số tài khoản của MA cho chị L. Trong lúc chờ chuyển khoản, Tuấn A thấy camera đặt trên bàn kê sát tường phía phải theo chiều từ ngoài vào, sợ hành vi của mình bị ghi lại nên Tuấn A đã tháo thẻ nhớ của camera. Do việc chuyển khoản bị lỗi nên chị L không thể chuyển tiền cho MA. MA yêu cầu chị L phải đi vay tiền nên chị L cùng Tuấn A và MA đi sang cửa hàng quần áo vay của chị H1 1.400.000 đồng. Chị H1 đưa cho MA 1.450.000 đồng, MA đếm tiền rồi trả lại 10.000 đồng. Lúc này, chị L chạy sang chỗ ông Kim Mạnh T (*Sinh năm 1960; ĐKNKTT: Phường H, quận Đ, Hà Nội, là bảo vệ của quán cà phê số 158 phố ĐT, phường ĐT*) kêu cứu. Ông T đi sang hỏi MA có việc gì, MA trả lời chị L nợ tiền Công ty MA không trả. Sau đó MA, Tuấn A và H đi về; trên đường về Tuấn A đã bỏ chiếc thẻ nhớ vứt đi; chị L được đưa đến Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn điều trị; sau đó, MA đưa cho Tuấn A 500.000 đồng; Ngày 11/6/2018, MA đã nộp 1.440.000 đồng cho Công ty 4T.

Sau khi sự việc xảy ra, chị Nguyễn Thuỳ L đã đến cơ quan Công an trình báo. Ngày 23 và 24/7/2018, MA, H và Tuấn A đã đến cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên. Công an quận X cũng đã thu giữ của Lê Tuấn A 500.000 đồng, Tổng Văn MA 940.000 đồng.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 299/CN ngày 23/7/2018 của Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn xác định bệnh nhân Nguyễn Thùy L: *“Vào viện ngày 07/6/2018 với tình trạng: Tỉnh, G 15 điểm; Đồng tử 2 bên đều, phản xạ ánh sáng (+); Vùng mắt, gò má trái ấn đau, sưng nề, không có vết thương; Sưng nề vùng môi dưới; Chụp CLVT sọ não, hàm mặt ngày 08/6/2018, không thấy tổn thương trên phim chụp; Chụp XQ ngực thẳng ngày 07/6/2018, không thấy tổn thương trên phim chụp; Siêu âm ổ bụng 08/6/2018, không thấy tổn thương; Các xét nghiệm khác trong giới hạn bình thường; Điều trị nội khoa: Kháng sinh, giảm đau, an thần, điều trị nội trú theo phác đồ; ra viện ngày 13/6/2018 với tình trạng: Ổn định, đau đầu, hẹn khám lại”*.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 998/TTPY ngày 05/11/2018 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế Hà Nội kết luận: *“Sẹo nông mờ, bầm dập vùng môi 01%; Các chấn thương phần mềm khác không tổn thương xương, không ảnh hưởng chức năng không quy định cho điểm tỷ lệ tổn hại sức khỏe; Nhiều khả năng thương tích và các chấn thương do vật tày gây nên; Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 01%”*.

Chị Nguyễn Thuỳ L khai bị mất 01 camera an ninh nhưng không rõ nhãn hiệu và không rõ ai đã lấy; quá trình xô xát bị vỡ 01 chiếc gương và mất 01 thẻ nhớ camera. Do các tài sản trên đã cũ, không có giá trị nên chị L không yêu cầu định giá

và không yêu cầu đề nghị gì khác nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với cháu Lê Khánh H bị Lê Tuấn A tát vào má, không gây thương tích; chị Nguyễn Thùy L từ chối giám định thương tích cho cháu H.

Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân quận X đã áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51 (*Điểm b đối với Tuấn A, MA; điểm s đối với Tuấn A*); khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Tuấn A và Tống Văn MA, mỗi bị cáo 42 tháng tù; xử phạt Đinh Duy H 36 tháng tù đều về tội “*Cướp tài sản*”; dành quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thương tích cho bị hại bằng vụ án dân sự khác; quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/3/2020 và ngày 16/3/2020, lần lượt các bị cáo Lê Tuấn A, Tống Văn MA và Đinh Duy H kháng cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/3/2020, bị hại Nguyễn Thùy L kháng cáo đề nghị xem xét vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa khi quyết định hình phạt; xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ vai trò của anh Nguyễn Vũ N trong vụ án.

Tại phiên tòa: Những người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo khai nhận hành vi vi phạm, nhận lỗi và đề nghị được xem xét khoan hồng. Chị Nguyễn Thùy L đề nghị xử lý nghiêm các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật; chị không yêu cầu bồi thường cụ thể nhưng để các bị cáo tự suy nghĩ về hành động của mình từ đó phải tự thấy có trách nhiệm, nghĩa vụ. Anh Nguyễn Vũ N và bị cáo Tống Văn MA đều khai anh N có đốc thúc bị cáo phải thu hồi nợ cho Công ty nhưng việc bị cáo dùng vũ lực để yêu cầu chị L trả tiền thì anh N không biết và không liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; 332; 333 và 334; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và bị hại về hình thức; về nội dung, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Tuấn A từ 30 đến 36 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”; xử phạt bị cáo Tống Văn MA và Đinh Duy H từ 25 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 50 đến 60 tháng; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Sau khi phân tích, đánh giá về động cơ, mục đích; tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi; vai trò, nhân thân của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo Lê Tuấn A và Tống Văn MA đề nghị: Hậu quả của vụ án xảy ra là không lớn; các bị cáo nhận

thức pháp luật hạn chế; đã tự nguyện nộp lại số tiền chiếm đoạt; hoàn cảnh kinh tế và gia đình các bị cáo khó khăn; bị cáo Tuấn A là lao động chính, con nhỏ, trong thời gian tại ngoại đã bị tai nạn lao động, ông nội là người có công, ra đầu thú; bố bị cáo Tổng Văn MA là người có công nay đã chết, mẹ ốm yếu, gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo đã từng cứu người bị nạn trong giai đoạn tại ngoại; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thùy L cho rằng không có căn cứ để xem xét vai trò, hành vi của anh Nguyễn Vũ N trong vụ án; bị cáo Lê Tuấn A đã từng bị khởi tố về hành vi cố ý gây thương tích; hành vi của Tuấn A là phạm tội đối với trẻ em, có tính chất côn đồ; bị hại không yêu cầu bồi thường nhưng các bị cáo nên suy nghĩ, thấy được trách nhiệm của mình để tự nguyện khắc phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án này, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định các bị cáo và bị hại có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] *Về nội dung*: Căn cứ lời khai của bị hại; lời khai của các bị cáo; lời khai của những người làm chứng; Giấy chứng nhận thương tích; kết luận giám định pháp y thương tích; clip trích xuất từ Camera; các bản nhận dạng; và các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xuất phát từ tranh chấp về việc trả hay chưa trả số tiền hàng là 1.440.000 đồng giữa Tổng Văn MA và chị Nguyễn Thùy L nên khoảng 18 giờ 20 phút ngày 07/6/2018, Tổng Văn MA đã rủ Lê Tuấn A và Đinh Duy H đến Phòng khám răng của chị Nguyễn Thùy L tại số 166, phố ĐT, phường ĐT, quận X để đòi tiền. Tại đây, được sự giúp sức của Đinh Duy H, Lê Tuấn A và Tổng Văn MA đã có lời nói đe dọa, uy hiếp, và dùng chân tay đâm đá, tạt buộc chị Nguyễn Thùy L phải trả số tiền 1.440.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo Lê Tuấn A, Tổng Văn MA, Đinh Duy H bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về đồng phạm tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] *Xét kháng cáo của các bị cáo và bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản;

xâm phạm và đe dọa đến sức khỏe, tinh thần của người khác; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nghiêm trọng tại địa phương. Các bị cáo đều là những người có nhận thức, hiểu biết, có trình độ nhưng lại hành xử thiếu văn hóa, không chuẩn mực và vi phạm pháp luật hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là đúng và thỏa đáng.

Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn với vai trò chính là bị cáo Lê Tuấn A và Tống Văn MA; MA là người rủ Lê Tuấn A và Đinh Duy H cùng đi đòi nợ. Khi gặp chị Thùy L, Lê Tuấn A lại là người chủ động khởi xướng hành vi dùng vũ lực và thực hiện hành vi tích cực nhất; Tuấn A trực tiếp dọa cháu Lê Khánh H nhằm gây sức ép cho chị Thùy L; đánh chị Thùy L nhiều lần nhằm buộc chị phải trả tiền cho MA; MA cũng tát chị L 02 cái nhưng cường độ thấp hơn và cũng có can ngăn Tuấn A. Đinh Duy H là người đồng phạm giúp sức, đứng canh cửa, không cho chị Thùy L ra ngoài, cũng như không cho ai vào trong phòng khám, tạo điều kiện để Tuấn A và MA thực hiện hành vi phạm tội. Về nhân thân, bị cáo Tuấn A đã có 01 tiền sự về hành vi cố ý gây thương tích, chưa được xóa nhưng không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh bản thân, tiếp tục phạm tội, hành vi của bị cáo là có tính chất côn đồ; bị cáo Tống Văn MA và Đinh Duy H chưa có tiền án, tiền sự; tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn và đã tự nguyện nộp lại để khắc phục hậu quả; tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; các bị cáo nhất thời phạm tội lần đầu; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo MA và H phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế và gia đình khó khăn; bị cáo Tuấn A là lao động chính, có con nhỏ; các bị cáo Tuấn A và MA có thân nhân là người có công; đây là các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng đối với từng bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi; vai trò; thái độ; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên của từng bị cáo; xét bị cáo Tống Văn MA và Đinh Duy H có địa chỉ cư trú rõ ràng và việc không buộc các bị cáo này phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hại cho xã hội; căn cứ Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung cho bị cáo Lê Tuấn A; giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung và cho các bị cáo Tống Văn MA và Đinh Duy H được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa là thỏa đáng.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xác định vụ án có đồng phạm khác như nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thùy L.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo và bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại của bị hại, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

1.1) Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Tuấn A **24 (Hai bốn)** tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (*Từ ngày 24/7/2018 đến ngày 01/8/2018*).

1.2) Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Tống Văn MA **20 (Hai mươi)** tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **40 (Bốn mươi)** tháng tính từ ngày 18/8/2020.

Giao bị cáo Tống Văn MA cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện TT, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, Tống Văn MA cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

1.3) Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đinh Duy H **15 (Mười lăm)** tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30 (Ba mươi)** tháng tính từ ngày 18/8/2020.

Giao bị cáo Đinh Duy H cho Ủy ban nhân dân xã TY, huyện YT, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử

thách, Đinh Duy H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

1.2) Các bị cáo Lê Tuấn A, Tống Văn MA, Đinh Duy H và bị hại Nguyễn Thùy L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TT Lý lịch tư pháp QG - Bộ Tư pháp;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- TAND quận X;
- VKSND quận X;
- Công an quận X;
- THADS quận X;
- UBND phường NT, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường ĐN, huyện LH, tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã TY, huyện YT, tỉnh Nam Định;
- UBND phường ĐN, quận C, Hà Nội;
- UBND xã LT, huyện TT, Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ Q&LIHP của bị hại;
- Lưu HS, VT.

Trần Nam Hà